

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-12-2025

V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025; Quyết hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Cái Hữu N**, sinh ngày 13/02/1979

Địa chỉ: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Bị đơn: Bà **Ngô Kiều D**, sinh ngày 22/10/1989

HKTT: Ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau

Nơi làm việc: Bệnh viện T, số 02DN, đường tránh Quốc lộ A, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cái Hữu N trình bày: Trước đây ông Cái Hữu N và bà Ngô Kiều D là vợ chồng, ông N và bà D đã ly hôn theo Bản án số 35/2025/HNGĐ-

ST ngày 06/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình giải quyết ly hôn, ông N và bà D thống nhất tự thoả thuận phân chia tài sản chung bằng văn bản ngày 18/4/2025, nội dung văn bản thoả thuận phân chia tài sản xác định tài sản chung của ông N và bà D gồm: vàng cưới 01 lăc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, tổng giá trị vàng là 100.000.000 đồng và các tài sản khác là 01 máy siêu âm, máy xung điện, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu, giá trị ước tính 31.700.000 đồng. Bà D là người giữ vàng cưới, khi ly hôn ông N và bà D thoả thuận chia đôi giá trị số vàng cưới, bà D giữ vàng nên bà D có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, nhưng từ lúc thoả thuận đến nay bà D chưa chia cho ông N bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là vàng cưới trị giá 100.000.000 đồng, ông N yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, bà D là người đang giữ tài sản, ông N yêu cầu bà D phải chia cho ông N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là số tiền 50.000.000 đồng. Còn các tài sản khác ông N tự nguyện giao cho bà D, bà D muốn nhận hay không thì do bà D quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị bà Ngô Kiều D trình bày: Tại thời điểm thoả thuận chia tài sản chung bằng văn bản ngày 18/4/2025, bà D đồng ý nhận tài sản và hoàn tiền cho ông N 50.000.000 đồng, nhưng sau khi kiểm tra lại máy siêu âm trị liệu đã bị hư hỏng, không sử dụng được nên nay bà D thay đổi ý kiến, bà D không đồng ý hoàn tiền 50.000.000 đồng cho ông N.

Số vàng cưới gồm: 01 lăc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 do bà D cất giữ, nhưng trong quá trình chung sống với ông N bà D đã bán hết số vàng cưới để tiêu xài nên hiện nay tài sản này không còn. Đối với các tài sản 01 máy siêu âm, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu hiện nay ông N đang quản lý, máy móc không còn sử dụng được nên bà D không đồng ý nhận tài sản và hoàn giá trị tài sản 50.000.000 đồng theo yêu cầu của ông N.

Bà D yêu cầu đòi trừ lại giá trị 01 máy siêu âm, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu với giá trị 20.000.000 đồng, bà D chỉ đồng ý chia giá trị vàng cưới cho ông Nghĩ L 30.000.000 đồng, bà D yêu cầu mỗi tháng trả ông N 1.000.000 đồng cho đến khi trả đủ số tiền 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 33; Điều 34; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông Cái Hữu N. Xác định tài sản chung của ông N và bà D gồm: 01 lắc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, tổng giá trị vàng là 100.000.000 đồng. Chia cho ông Cái Hữu N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng; chia cho bà Ngô Kiều D $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng; bà D là người giữ tài sản chung nên bà D có nghĩa vụ giao cho ông N số tiền 50.000.000 đồng. Ông N và bà D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Cái Hữu N khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bà Ngô Kiều D, nên đây là tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Ngô Kiều D hiện đang làm việc tại Bệnh viện T, số 02DN, đường tránh Quốc lộ A, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Ngô Kiều D được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua lời trình bày của ông N, bà D và Biên bản tự thỏa thuận ngày 18/4/2025, Hội đồng xét xử có sở sở xác định tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà D gồm: vàng cưới 01 lắc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, tổng giá trị vàng là 100.000.000 đồng và 01 máy siêu âm, máy xung điện, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu, giá trị ước tính 31.700.000 đồng. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác.

Ông N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với số vàng cưới trị giá 100.000.000 đồng, không yêu cầu chia các tài sản khác. Bà D không có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Bà D thừa nhận là người quản lý tài sản chung là số vàng cưới trị giá 100.000.000 đồng và bà D xác định đã bán hết vàng cưới để tiêu xài trong quá trình chung sống với ông N, nhưng bà D không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bán hết vàng cưới để tiêu xài chung trong gia đình khi còn chung sống với ông N. Ngoài ra, tại thời điểm thỏa thuận chia tài sản chung ngày 18/4/2025, bà D cũng đồng ý chia số tài sản chung là vàng cưới cho ông N với số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bà D không thực hiện. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là số vàng cưới trị giá

100.000.000 đồng, ông N và bà D mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do bà D là người giữ tài sản chung nên bà D có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với ý kiến yêu cầu đòi trừ giá trị 01 máy siêu âm, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu với giá trị 20.000.000 đồng, bà D trả ông N số tiền 30.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D không có đơn yêu cầu phân tố chia các tài sản khác, đối với các tài sản là 01 máy siêu âm, đèn chiếu tia hồng ngoại, giường nệm làm vật lý trị liệu là tài sản ông N đang giữ và đồng ý giao cho bà D, ông N không có yêu cầu chia tài sản chung đối với các tài sản này, nên việc bà D yêu cầu đòi trừ giá trị các tài sản ông N đang giữ là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, bà D còn yêu cầu được trả dần cho ông N 1.000.000đ/tháng, về thời hạn thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Thi hành án, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông N và bà D phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia. Ông N và bà D mỗi người được chia tài sản có giá trị là 50.000.000 đồng, nên ông N và bà D mỗi người phải nộp án phí số tiền 2.500.000 đồng, nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6, tỉnh Cà Mau.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, phù hợp phù hợp với nhận định định của Hội đồng xét xử chấp nhận, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 33, Điều 38, khoản 1 Điều 53, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cái Hữu N đối với bị đơn bà Ngô Kiều D về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

2. Tài sản chung của ông Cái Hữu N và bà Ngô Kiều D gồm: 01 lắc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 01 dây chuyền vàng 9999 trọng 5 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, tổng giá trị là 100.000.000 đồng.

3. Phân chia tài sản chung như sau:

- Ông Cái Hữu N được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng.

- Bà Ngô Kiều D được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng.

- Bà D là người giữ tài sản chung nên bà D có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông Cái Hữu N phải nộp số tiền 2.500.000 đồng, ông nghĩa đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0000736 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí, ông N phải nộp thêm số tiền 1.250.000 đồng. Bà D phải nộp số tiền 2.500.000 đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS Khu vực 6, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt